

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình
khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp,
nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2563/TTr-SKHĐT-KT, ngày 16/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn được quy định tại Phụ lục I của

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định này.

Điều 2. Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình

Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Vĩnh Long;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở KH&ĐT,
Sở NN&PTNT;
- Các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT. 5.04.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC

Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Hệ thống điện			
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây,...)	kVA	1.000	
b	Hệ thống điện ngoài hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây....)	kVA	1.100	
2	Hệ thống đường giao thông			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án			
	Mặt đường đá dăm láng nhựa tiêu chuẩn, chiều rộng mặt đường không quá 3,5m	m ²	500	
	Mặt đường bê tông xi măng dày tối đa 18 cm, chiều rộng mặt đường không quá 3,5m.	m ²	350	
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án			
	Mặt đường đá dăm láng nhựa tiêu chuẩn, chiều rộng mặt đường không quá 3,5m	m ²	500	
3	Nhà xưởng, nhà kính, nhà lưới/nhà màng			
a	Nhà xưởng cao từ 6 m trở lên (nhà kiên cố, cấp 4 trở lên)	m ²	1.000	
b	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 6 m (nhà kiên cố, cấp 4 trở lên)	m ²	700	
c	Nhà kính, nhà lưới/nhà màng	m ²	100	
4	Hệ thống cấp nước			
a	Bể chứa bằng vật liệu bê tông, xây gạch (xây dựng mới)	m ³	500	

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000 đồng)	Ghi chú
b	Đường ống cấp nước (có đường kính tối thiểu 27 mm)	m	15	
c	Máy bơm	HP	500	Hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/máy
5	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt			
a	Bể lắng, bể sục khí bằng vật liệu bê tông, xây gạch (xây dựng mới)	m ³	1.000	
b	Hồ chứa nước có lát tấm bê tông xung quanh (xây dựng mới)	m ³	50	
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50 mm)	m	30	
d	Máy bơm	HP	500	Hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/máy
6	Thiết bị chính phục vụ sản xuất	Bộ/cái	50% giá thiết bị	